

NGHIÊN CỨU TƯ LIỆU GIA LỄ VIỆT NAM: TỪ SƠ ĐỒ NGŨ PHỤC ĐẾN PHỤC CHẾ

VŨ VIỆT BÀNG (*)

Đặt vấn đề “Phục chế” 服制 hay chế độ tang phục là hệ thống quy định về phục sức, thời gian cư tang cho từng quan hệ thân thuộc cụ thể (phục tự). Tang phục có năm hạng bậc: trảm thôi 斬衰, tư thôi 齊衰, đại công 大功, tiểu công 小功, ti ma 緦麻, được gọi chung là ngũ phục. Mỗi hạng tang phục tương ứng với một hoặc nhiều quan hệ thân thuộc. Với vai trò là thành phần quan trọng trong tang lễ, phục chế được nhiều nhà Nho đề cập trong tư liệu gia lễ kể cả Trung Quốc và Việt Nam, thậm chí ngũ phục có thể là đối tượng nghiên cứu trong tác phẩm độc lập (như *Ngũ phục đồ giải* 五服圖解 của Cung Đoan Lễ 龔端禮 đời Nguyên, *Tang phục hội thông thuyết* 喪服會通說 của Ngô Gia Tân 吳嘉賓 đời Thanh ở Trung Quốc, *Ngũ phục đồ thuyết* 五服圖說 ở Việt Nam).

Sơ đồ ngũ phục xuất hiện đầu tiên trong *Tân định thư nghi kính* 新定書儀鏡 của Đỗ Hữu Tấn 杜友晉 đời Đường và chính thức nhập vào tư liệu điển

chương từ thời Nguyên trong *Đại Nguyên Thánh chính quốc triều điển chương* 大元聖政國朝典章 (gọi tắt là *Nguyên điển chương* 元典章⁽¹⁾, ra đời sau năm 1322) sau đó được *Đại Minh luật* 大明律 kế thừa. Sau khi Chu Hy mất năm 1200, sách *Gia lễ* ra đời, trong đó cũng có sơ đồ ngũ phục. Mặc dù, sơ đồ ngũ phục xuất hiện trong nhiều tư liệu, nhưng sơ đồ ngũ phục trong *Văn Công gia lễ* là đối tượng được nhiều nhà Nho thế hệ sau chú trọng chú giải tuyển tập, hay nói cách khác nhà Nho thường tiếp cận sơ đồ ngũ phục thông qua *Văn Công gia lễ*. Sơ đồ ngũ phục có thể được truyền bá sang Việt Nam thông qua một số tư liệu điển chương, nhưng cũng có thể thông qua *Văn Công gia lễ*. Căn cứ vào quy định phong âm ghi chép trong *Đại Việt sử kí toàn thư*, ngũ phục đồ đã được truyền bá sang Việt Nam từ trước năm 1267: “Đinh Mão năm thứ 10 [1267], (Tống Hàm Thuận năm thứ 3, Nguyên Chí Nguyên năm thứ 4) [...]”

(*) ThS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Tháng 3, định ngọc diệp [...] tước phong theo ngũ phục đồ” (nguyên văn: 爵依五服圖) [*Đại Việt sử kí toàn thư, Bản kỉ*, quyển V, tờ 4a]

Nghiên cứu tư liệu phục chế Việt Nam và Trung Quốc, chúng tôi nhận định phục chế có hai dạng kết cấu cơ bản: phục chế quy định theo cơ cấu phục sức (loại 1) và phục chế quy định theo cơ cấu phục tự (loại 2), trong đó phục chế loại 1 là dạng thức truyền thống của Trung Quốc và phục chế loại 2 chỉ xuất hiện trong tư liệu gia lễ Việt Nam. Trên cơ sở so sánh tư liệu phục chế Việt Nam và Trung Quốc, so sánh phục chế Việt Nam và sơ đồ ngũ phục, chúng tôi nhận định phục chế quy định theo cơ cấu phục tự được hình thành trên cơ sở diễn giải sơ đồ ngũ phục với cách tư duy riêng của nhà Nho Việt Nam. Đó là cơ sở để bước đầu nhận định tính độc lập tương đối của gia lễ Việt Nam.

1. Tư liệu phục chế gia lễ Việt Nam: phục tự phục chế

Phục chế có hai dạng kết cấu cơ bản:

Dạng thức thứ nhất: phục chế quy định theo cơ cấu phục sức (sau đây gọi là “phục sức phục chế” 服飭服制), tức là liệt kê hạng tang phục từ trọng phục đến khinh phục, trong mỗi hạng tang phục có thể có “Tứ chế” 四制 hoặc “Tam chế” 三制 (chính phục 正服, gia phục 加服, giáng phục 降服, nghĩa phục 義服) cùng quan hệ thân thuộc tương ứng, lấy bản thân làm trung tâm: 1/ Trảm thôi 斬衰; 2/ Tư thôi tam niên 齊衰三年; Tư thôi trọng cơ 齊衰杖期;

Tư thôi bất trọng cơ 齊衰不杖期; Tư thôi ngũ nguyệt 齊衰五月; Tư thôi tam nguyệt 齊衰三月; 3/ Đại công cửu nguyệt 大功九月; 4/ Tiểu công ngũ nguyệt 小功五月; 5/ Ti ma tam nguyệt 緦麻三月.

Dạng thức thứ hai: phục chế quy định theo cơ cấu phục tự (sau đây gọi là “phục tự phục chế” 服序服制), tức là liệt kê quan hệ thân thuộc theo quy tắc từ thân đến sơ, từ tôn đến ti cùng hạng tang phục tương ứng, lấy bản thân làm trung tâm: 1/ Vị cao tổ phục 為高祖服; 2/ Vị tăng tổ phục 為曾祖服; 3/ Vị tổ hàng phục 為祖行服; 4/ Vị phụ hàng phục 為父行服; 5/ Vị đồng hàng phục 為同行服; 6/ Vị tử hàng phục 為子行服; 7/ Vị tôn hàng phục 為孫行服; 8/ Vị tăng tôn hàng phục 為曾孫行服; 9/ Vị huyền tôn hàng phục 為玄孫服; 10/ Vị tông nhân phục 為宗人服; 11/ Bát mẫu báo phục 八母報服; 12/ Tam phụ bát mẫu chế phục; 三父八母制服; 13/ Ngoại tộc mẫu đảng phục 外族母黨服; 14/ Thê vị phu đảng phục 妻為夫黨服; 15/ Phu vị thê phục 夫為妻服; 16/ Thiếp vị quân tộc phục 妾為君族服; 17/ Nữ xuất giá vị bản tông phục 女出嫁為本宗服; 18/ Vị thương phục 為傷服; 19/ Vị nhân hậu giả vị sở hậu phục 為人後者為所後服; 20/ Chư nhân hậu giả vị bản sinh phục 諸人後者為本生服; 21/ Vị bằng hữu phục 為朋友服; 22/ Sư bất chế phục 師不制服.

Phân loại tư liệu phục chế gia lễ Việt Nam theo kết cấu (hai dạng thức “Phục tự” và “Phục sức”).

Phục chế		
Phục tự phục chế		Phục sức phục chế
Nôm	Hán	Hán
<i>Gia lễ tiếp kính</i> 家禮捷徑	<i>Tam lễ tập yếu</i> 三禮集要	<i>Nguyễn thị gia huấn</i> 阮氏家訓
<i>Thọ Mai gia lễ</i> 壽梅家禮	<i>Văn bản kí hiệu A.279⁽²⁾ (Hồ Thượng thư gia lễ</i> 胡尚書家禮)	
<i>Ngũ phục đồ thuyết</i> 五服圖說		

Phục sức phục chế là dạng thức truyền thống trong tư liệu Trung Quốc, từ tư liệu kinh điển Tiên Tần như *Nghi lễ* đến một số tư liệu điển chương thời Đường, Tống, Nguyên, Minh như *Khai Nguyên lễ* 開元禮, *Đại Minh hội điển* 大明會典, *Hiếu từ lục* 孝慈錄, đặc biệt phục sức phục chế hiện diện trong *Văn Công gia lễ* 文公家禮 và tất cả các hệ bản *Văn Công gia lễ* lịch đại⁽³⁾. Thông qua sự khái quát phục chế lịch đại của Đinh Lăng Hoa 丁凌華 trong *Lịch sử chế độ tang phục Trung Quốc (Trung Quốc tang phục chế độ sử* 中國喪服制度史), hay thông qua “Bảng thể hiện phục chế trong *Đại Đường khai nguyên lễ, Chính Hòa ngũ lễ tân nghi, Hiếu từ lục, Khâm định Đại Thanh thông lễ*” (*Đại Đường khai nguyên lễ, Chính Hòa ngũ lễ tân nghi, Hiếu từ lục, Khâm định Đại Thanh thông lễ* phục chế biểu 《大唐開元禮》《政和五禮新儀》《孝慈錄》《欽定大清通禮》服制表) do Bàn Di Văn 彭怡文 thiết lập trong luận văn *Khảo cứu tang phục nữ tử trong Lễ thư thông cổ của Hoàng Dĩ Chu (Hoàng Dĩ Chu Lễ thư thông cổ nữ tử tang phục thông khảo* 黃以周《禮書通故》女子喪服通考), chúng ta có thể quan sát toàn diện tư liệu chế độ tang phục Trung Quốc lịch đại và nhận ra rằng thiết lập

phục chế theo cơ cấu phục sức là phương thức cố hữu trong tư duy kiến tạo gia lễ của người Trung Quốc. Thôi Thuật 崔述 đời Thanh trong *Ngũ phục dị đồng vụng khảo* 五服異同彙考 nhận định: “Phục chế ở *Lễ kinh* đều lấy tiêu chí loại tang phục [hay phục sức] để phân loại, tang phục giống nhau được phân thành một chương, hầu hết những tác giả đời sau đều tuân theo cách phân loại đó” (nguyên văn: “*Lễ kinh phục chế giai dĩ phục phân chi, phục đồng giả vi nhất chương, hậu thế tác giả suất đa duyên chi* 禮經服制皆以服分之服同者爲一章後世作者率多沿之”).

Phục sức phục chế được một số tư liệu về hình luật, gia huấn Việt Nam kế thừa như *Nguyễn thị gia huấn* 阮氏家訓, *Hoàng Việt luật lệ* 皇越律例. Trong khi đó, phục tự phục chế là kết cấu được nhà Nho Việt Nam lựa chọn khi soạn sách gia lễ, chúng được kiến tạo linh hoạt với cách tư duy của người Việt, hoàn toàn phân biệt với tư duy kiến tạo phục chế theo phục sức của người Trung Quốc, mục đích tạo điều kiện để người đọc dễ dàng tra cứu theo các mối quan hệ. Trong khi đó, tư liệu phục sức phục chế tra cứu theo tang phục, thông qua tang phục đánh giá mức độ thân sơ các mối quan hệ, vì thế người đọc cần nắm bắt

bao quát mức độ thân sơ các mối quan hệ, xét nó thuộc hạng tang phục nào trước khi tiếp cận tư liệu loại này, điều đó không phù hợp với đối tượng đọc là tầng lớp bình dân - những người ít am tường lễ nghi.

Như vậy, nếu như phục sức phục chế là cách kiến tạo tư liệu phục chế truyền thống của Trung Quốc thì cách kiến tạo tư liệu phục chế bằng cơ cấu phục tự được nhà Nho Việt Nam lựa chọn. Phục tự phục chế sắp xếp phục tự hay các mối quan hệ thân thuộc từ thân đến sơ, điều đó tạo điều kiện thuận lợi để dân gian dễ dàng tìm hạng tang phục tương ứng cho mỗi quan hệ thân thuộc. Theo đó, xét về tính đầy đủ, hai loại tư liệu phục chế là tương đương, nhưng xét về tính dễ hiểu, dễ ứng dụng, thì rõ ràng phục tự phục chế ưu việt hơn để áp dụng trong thời đại lễ học bất minh. Đây là cơ sở bước đầu để khẳng định tư duy linh hoạt và độc đáo trong việc kiến tạo tư liệu phục chế của nhà Nho Việt Nam.

2. Phục chế gia lễ Việt Nam: từ sơ đồ ngũ phục đến phục tự phục chế

Xét tư liệu phục tự phục chế Việt Nam, ở mỗi tư liệu khác nhau đều có sự châm chước, tổn ích về mặt thời gian, phạm vi quan hệ cư tang cho hợp thời đại dựa trên cơ sở khảo cứu tư liệu lịch đại cùng sự biến thiên lịch sử. Mang dấu ấn cá nhân mỗi tác giả, nên giữa các tư liệu có sự khác biệt đôi chút về văn tự hoặc cách diễn đạt ở một số tiểu tiết. Trong số tư liệu phục chế nói trên chỉ có *Gia lễ tiếp kính*, *Thọ Mai gia lễ*, *Ngũ phục đồ thuyết* diễn Nôm phục chế và đều thuộc vào loại phục tự phục chế. Trong bài viết, chúng tôi nghiên cứu sâu

hơn về phục chế trong *Gia lễ tiếp kính* - tác phẩm gia lễ đầu tiên của Việt Nam từ góc độ bản chất và nguồn gốc đối tượng được Nôm hóa, từ đó để suy rộng bản chất và nguồn gốc các tư liệu phục tự phục chế Việt Nam nói chung.

Phục chế trong *Gia lễ tiếp kính* được kiến tạo bởi tư duy của Ngô Sĩ Bình⁽⁴⁾ trên nền tảng sơ đồ ngũ phục có nguồn gốc từ *Đại Minh hội điển*⁽⁵⁾ và chất liệu luật lễ Trung Quốc và Việt Nam. Nhận định đó dựa trên một số cơ sở sau:

Thứ nhất, Ngô Sĩ Bình cho biết phục chế trong sách là kết quả quá trình “*tra tường các luật ngũ phục chế phục các đồ*” + “*lập vi quốc ngữ ngôn từ*” (trang 1a: “*Tra tường các luật ngũ phục chế phục các đồ lập vi quốc ngữ ngôn từ 查詳各律五服制服各圖立爲國語言辭*”).

Thứ hai, trong quá trình “*lập vi quốc ngữ ngôn từ 立爲國語言辭*”, sơ đồ ngũ phục hiện diện ở nhiều chi tiết: trang 17a, mục “*Tam phụ bát mẫu chế phục 三父八母制服*”: “*Thân phụ thân mẫu tức sở thân dã bất tại chi đồ 親父親母即所親也不在之圖*”; trang 22a, mục “*Thê vị phu đảng phục 妻爲夫黨服*”; “*Phục thân cô thì để năm tháng các luật đồ tịnh đồng nhiên 服親姑時底衲膾各律圖并同然*”; trang 24a: “*Phục cậu chông với dì chông thì cùng để ba tháng chế phục tại ngoại tộc đồ 服舅馱貝姨馱時共底卍膾制服在外族圖*”; trang 24b mục “*Phu vị thê phục 夫爲妻服*”; “*Chế phục dĩ tại chi đồ chỉ hữu phụ mẫu thê tồn dư bất luận 制服已在之圖只有父母妻存餘不論*”.

Thứ ba, những đoạn cước chú trong phục chế *Gia lễ tiếp kính* có nguồn gốc

từ sơ đồ ngũ phục trong *Đại Minh hội điển* (xem bảng so sánh minh họa sau đây). *Đại Minh hội điển*, *Văn Công gia lễ*, *Gia lễ tiếp kính* đều có sơ đồ ngũ phục, nhưng khác nhau về số lượng, hình thức, trật tự sơ đồ, và sơ đồ ngũ phục trong *Gia lễ tiếp kính* có vẻ gần gũi hơn với sơ đồ ngũ phục *Đại Minh hội điển*.

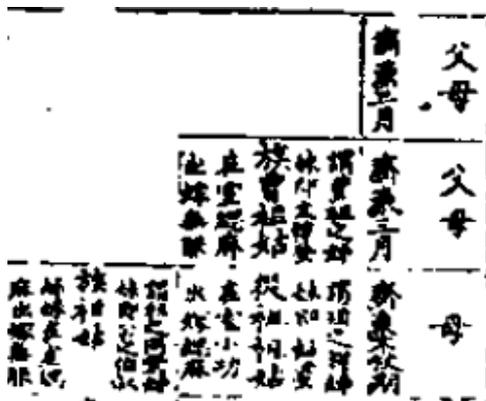
Về số lượng, *Đại Minh hội điển* và *Gia lễ tiếp kính* có 7 sơ đồ, *Văn Công gia lễ* chỉ có 4. Về hình thức, sơ đồ ngũ phục trong *Đại Minh hội điển* giống *Văn Công gia lễ* nhưng đã được bổ sung chú thích bên cạnh mỗi phục tự trong sơ đồ, những câu chú thích đó được Ngô Sĩ Bình sử dụng triệt để, tuy vậy 7 sơ đồ ngũ phục mà Ngô Sĩ Bình liệt kê ở đầu

quyển nhất không có những câu chú thích đó;

Về trật tự sơ đồ, *Văn Công gia lễ* sắp xếp theo trật tự từ tông thân, tam phụ bát mẫu, thê thân, đến ngoại thân, *Đại Minh hội điển* sắp xếp theo trật tự từ tông thân (ngoài *Bản tông cứu tộc ngũ phục chính phục chi đồ* 本宗九族五服正服之圖 còn bổ sung thêm *Thê vị phu đảng tộc phục* 妻為夫黨服; *Thiếp vị gia trưởng tộc phục chi đồ* 妾為家長族服之圖; *Xuất giá nữ vị bản tông giáng phục chi đồ* 出嫁女為本宗降服之圖), ngoại thân, thê thân đến tam phụ bát mẫu, còn *Gia lễ tiếp kính* tuy có 7 sơ đồ như *Đại Minh hội điển* nhưng sắp xếp theo trật tự khác⁽⁶⁾.

Bảng so sánh minh họa sơ đồ ngũ phục trong *Đại Minh hội điển* và lời thuyết minh của Ngô Sĩ Bình

Một phần sơ đồ “*Bản tông cứu tộc ngũ phục chính phục chi đồ* 本宗九族五服正服伏之圖” trong *Đại Minh hội điển* 大明會典



Lời thuyết minh của Ngô Sĩ Bình:

[7b] Vị cao tổ phục

Phục cao tổ phụ mẫu (cao tổ phục tức thái thái công, cao tổ mẫu tức thái thái bà), tục viết để tóc ông bà sinh ra ông cụ thì mặc áo mũ tư thôi ba tháng.

Vị tăng tổ phục

Phục tăng tổ phụ mẫu (tăng tổ phụ mẫu tức thái công, tăng tổ mẫu tức thái bà), tục viết để tóc ông bà cụ sinh ra ông thì mặc áo mũ tư thôi năm tháng. Nhược phụ tổ câu tốt vì tăng tổ phụ mẫu thừa trọng giả trăm thôi tam niên.

[8a] Phục tằng tổ bá thúc phụ mẫu (tằng tổ chi thân huynh đệ cập thê ?⁽⁷⁾ nãi đồng cao [tổ] chi tử dã), tục viết để tóc ông bà cụ họ, ấy là anh em với ông cụ, bốn ông bà ấy thì cùng ba tháng.

Phục tằng tổ cô (tức tằng tổ chi thân tỉ muội dã), tục viết để tóc bà cụ cô họ ấy là chị em với ông cụ, còn ở nhà thì ba tháng, đã lấy chồng thì chẳng có để phục bằng vị tại thất giá.

Vị tổ hàng phục

Phục tổ phụ mẫu (tổ phụ tức công, tổ mẫu tức bà) tục viết để tóc ông bà sinh ra cha thì mặc [8b] áo mũ tư thôi một năm chẳng có gậy. Dầu cha đã mất trước thì cháu cả thừa trọng, ấy mặc áo mũ trăm thôi để ba năm có gậy.

Thứ tử chi tử vị kì phụ chi sinh mẫu bất trọng cơ, tục rằng bà là vợ lẽ ông, sinh ra cha, cha là thứ tử.

Phục tổ bá thúc phụ mẫu (tức tổ chi thân huynh đệ cập thê, nãi đồng tằng tổ chi tử dã) tục viết để tóc ông bác bà bác, ông chú bà thím, ấy là anh em với ông, bốn ông bà ấy thì cùng năm tháng.

Phục tổ cô (tức tổ chi thân tỉ muội dã) tục viết để tóc bà cô ấy là chị em với [9a] ông, còn ở nhà thì năm tháng, đã lấy chồng thì ba tháng.

Phục tộc tổ bá thúc phụ mẫu (tức tổ chi thân đường huynh đệ cập thê, nãi tằng tổ bá thúc phụ mẫu chi tử dã), tục viết để tóc ông bà họ ấy là anh em con chú con bác với ông, bốn ông bà ấy thì cùng ba tháng.

Phục tộc tổ cô (tức tổ chi thân đường tỉ muội), tục viết để tóc bà cô họ ấy là chị em con chú con bác cùng ông, còn ở nhà thì ba tháng, đã lấy chồng thì chẳng có để.

Tuy thuyết minh sơ đồ ngũ phục trong *Đại Minh hội điển*, nhưng phục chế

trong *Gia lễ tiếp kính* mang dấu ấn cá nhân khá rõ nét, bởi lẽ Ngô Sĩ Bình mượn 7 sơ đồ ngũ phục trong *Đại Minh hội điển* rồi sắp xếp trật tự theo chủ ý cá nhân sau đó thuyết minh tuần tự, trong đó:

1) Phục tự 1. *Vị cao tổ phục*; 2. *Vị tằng tổ phục*; 3. *Vị tổ hàng phục*; 4. *Vị phụ hàng phục*; 5. *Vị đồng hàng phục*; 6. *Vị tử hàng phục*; 7. *Vị tôn hàng phục*; 8. *Vị tằng tôn phục*; 9. *Vị huyền tôn hàng phục* tương ứng sơ đồ 1 “*Bản tông cứu tộc ngũ phục chi đồ*” 本宗九族五服之圖;

2) Phục tự 11. *Bát mẫu báo phục*; 12. *Tam phụ bát mẫu chế phục* tương ứng sơ đồ 2 “*Tam phụ bát mẫu chế phục đồ*” 三父八母制服圖;

3) Phục tự 13. *Ngoại tộc mẫu đảng phục* tương ứng sơ đồ 3 “*Ngoại tộc mẫu đảng thê đảng phục đồ*” 外族母黨妻黨服圖;

4) Phục tự 14. *Thê vị phu đảng phục* tương ứng sơ đồ 4 “*Thê vị phu tộc phục đồ*” 妻爲夫族服圖;

5) Phục tự 15. *Phu vị thê phục* tương ứng sơ đồ 5 “*Phu vị thê thân phục đồ*” 夫爲妻親服圖;

6) Phục tự 16. *Thiếp vị quân tộc phục* tương ứng sơ đồ 6 “*Thiếp vị quân phục đồ*” 妾爲君服圖;

7) Phục tự 17. *Nữ xuất giá vị bản tông phục* tương ứng sơ đồ 7 “*Xuất giá nữ vị bản tông phục chi đồ*” 出嫁女爲本宗服之圖.

Một số chi tiết nằm ngoài sơ đồ ngũ phục (những đoạn khảo luận và một số phục tự⁽⁸⁾: phục tự 10. *Vị tông nhân phục*; 18. *Vị thương phục*; 19. *Vi nhân hậu giả vị sở hậu phục*; 20. *Chư nhân hậu giả vị bản sinh phục*; 21. *Vị bằng*

hữu phục; 22. Sự bắt chế phục) là kết quả quá trình khảo luật lễ⁽⁹⁾.

Từ *Gia lễ tiếp kính* có thể suy rộng tư liệu phục tự phục chế Việt Nam đều liên quan đến sơ đồ ngũ phục, trường hợp *Ngũ phục đồ thuyết*⁽¹⁰⁾ cho thấy bản chất thuyết minh sơ đồ ngũ phục thể hiện ngay nhan đề. Đây là tư liệu ngoài sao chép phục chế từ *Gia lễ tiếp kính* còn kế thừa ý tưởng “thuyết minh *Ngũ phục đồ*” lập nên cách thuyết minh mới: thuyết minh sơ đồ ngũ phục bằng thơ Nôm thất ngôn, mỗi bài thơ tương ứng một phục tự, ví dụ:

服高祖父

高祖羅翁奄衲菴
抵喪匚腦買侯退
埃油群啜浪庄沛
五服圖印可俄制

Phục cao tổ phụ

Cao tổ là ông đã năm đời,
Để tang ba tháng mới hầu thôi.
Ai dầu còn cãi rằng chẳng phải,
Ngũ phục đồ in khá ngả chơi.

服曾祖父

曾祖翁尼共罌菴
底喪衲腦買侯耒
若埃群啜浪庄沛
五服祜圖事奄堆

Phục tăng tổ phụ

Tăng tổ ông này đã cũng bốn đời,
Để tang năm tháng mới hầu rồi.
Nhược ai còn cãi rằng chẳng phải,
Ngũ phục xem đồ sự đã đời.

3. Khả năng tồn tại tư liệu phục tự phục chế văn tự Hán lưu hành ở Việt Nam trước *Gia lễ tiếp kính*

Ngoài chi tiết trong sơ đồ ngũ phục, phục chế Việt Nam còn một số chi tiết ngoài sơ đồ ngũ phục. Những chi tiết ngoài sơ đồ ngũ phục cho thấy rằng rất có thể phục chế trong *Gia lễ tiếp kính* và 4 tư liệu phục tự phục chế còn lại có thể cùng tham khảo một nguồn tư liệu. Nhận định đó căn cứ vào hai luận cứ sau:

Thứ nhất, thông qua kết quả so sánh chi tiết ngoài sơ đồ ngũ phục trong tư liệu phục chế *Gia lễ tiếp kính*, *Thọ Mai gia lễ*, và bản A.279;

Thứ hai, có sự mâu thuẫn giữa thời gian ra đời và loại văn tự tương ứng, thông thường tư liệu văn tự Hán ra đời trước và được Nôm hóa trong tư liệu sau đó, nhưng xét phạm vi tư liệu phục tự phục chế Việt Nam thì ngược lại, phục chế *Gia lễ tiếp kính* là tư liệu sớm nhất, sẽ không đáng bàn nếu tư liệu phục chế trong đó viết bằng văn tự Hán, trong khi đó phục chế *Tam lễ tập yếu* ra đời sau lại sử dụng văn tự Hán. Đây là dấu hiệu cho thấy rất có thể trước *Gia lễ tiếp kính* đã tồn tại một tư liệu phục tự phục chế chữ Hán.

Phục chế	<i>Gia lễ tiếp kính</i>	<i>Thọ Mai gia lễ</i>	<i>Tam lễ tập yếu</i>	<i>Ngũ phục đồ thuyết</i>	A.279
Niên đại	Thế kỉ 17	Thế kỉ 18	Thế kỉ 18	?	?
Văn tự	Nôm	Nôm	Hán	Nôm	Hán

Việc lựa chọn tư liệu phục chế trong A.279 làm đối tượng so sánh với *Gia lễ tiếp kính* và *Thọ Mai gia lễ* xuất phát từ lí do: bản A.279 là bản tuyển tập từ nhiều nguồn tư liệu trong đó có *Gia lễ tiếp kính*, *Hồ Thượng thư gia lễ*, dấu hiệu nội tại (như chép thiếu, chép nhầm, khuyết chữ, những đoạn cước chú không viết chữ nhỏ mà được đánh dấu bằng chữ “chú”...) cho thấy tư liệu phục chế trong đó cũng được sao chép từ một tư liệu khác, theo đó trên thực tế còn tồn tại ít nhất một tư liệu phục tự phục chế được viết bằng chữ Hán ngoài *Tam lễ tập yếu*, quan trọng hơn là tư liệu phục chế trong *Gia lễ tiếp kính*, *Thọ Mai gia lễ* và A.279 giống nhau ở một số tiêu tiết ngoài sơ đồ ngũ phục (xem bảng hiệu đối trong phần phụ lục).

Theo phân tích, khả năng tồn tại một tư liệu phục tự phục chế trước *Gia lễ tiếp kính* là điều khả dĩ, và phục chế *Gia lễ tiếp kính* và 4 tư liệu còn lại cùng tham khảo nguồn tư liệu đó.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu so sánh phục chế gia lễ Việt Nam và Trung Quốc là việc làm cần thiết để bước đầu nhận định tính độc lập tương đối của gia lễ Việt Nam. Bước đầu tiên trong quá trình nghiên cứu đó là đi tìm nguồn gốc của phục chế gia lễ Việt Nam. Từ phân tích nêu trên, người viết bước đầu nhận định về phục chế gia lễ Việt Nam như sau:

1. Tư liệu phục chế gia lễ Việt Nam là tư liệu phục tự phục chế, hoàn toàn phân biệt với tư liệu phục sức phục chế của Trung Quốc.

2. Tư liệu phục tự phục chế gia lễ Việt Nam được kiến lập bởi tư duy nhà Nho Việt trên cơ sở diễn giải sơ đồ ngũ

phục, kết hợp một số chất liệu phục chế Trung Quốc.

3. Từ phân tích về phục chế gia lễ Việt Nam, chúng tôi nhận định gia lễ Việt Nam có thể còn tồn tại ít nhất một tư liệu phục tự phục chế bằng Hán văn lưu hành trước *Gia lễ tiếp kính*.

V.V.B

Chú thích:

(1) *Nguyên điển chương*: là chính thư thời Nguyên, nội dung bao gồm thánh chỉ, luật lệnh về các phương diện chính trị, kinh tế, quân sự, luật pháp và những án lệ do quan lại địa phương ghi chép trong khoảng thời gian 9 năm từ Nguyên Thái Tông (1234) đến Nguyên Anh Tông niên hiệu Chí Trị thứ 2 (1322).

(2) Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện lưu 3 bản *Hồ Thượng thư gia lễ*, trong đó có bản viết tay kí hiệu A.279. Thực tế, A.279 là văn bản gia lễ có nội dung tuyển tập từ nhiều nguồn tư liệu trong đó có ghi chép lời tựa của sách *Hồ Thượng thư gia lễ*. Do đây không phải *Hồ Thượng thư gia lễ* nên chúng tôi tạm gọi là văn bản A.279.

(3) Một số hệ bản *Văn Công gia lễ* lịch đại như: *Văn Công gia lễ* 文公家禮 do Dương Phục 楊復 và Lưu Đàn Tôn 劉壇孫 (đời Tống) tập chú, *Văn Công gia lễ nghi tiết* 文公家禮儀節 của Khâu Tuấn 丘濬 (1418 - 1495), *Văn Công gia lễ nghi tiết* 文公家禮儀節 do Dương Thận 楊慎 (1488 - 1559) biên tập, *Văn Công gia lễ chính hành* 文公家禮正衡 của Thân Thời Hành 申時行 (1535 - 1614)...

(4) Ngô Sĩ Bình: tác giả *Gia lễ tiếp kính*, vốn họ Nguyễn mượn tên là Ngô Doãn người xã Tam Sơn huyện Đông Ngàn nay thuộc xã Tam Sơn huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh.

(5) *Đại Minh hội điển*: là một trong những tư liệu pháp luật của triều Minh, năm Hồng Vũ thứ 26 (1393), Minh Thái Tổ chế định phỏng theo thể lệ của *Đường lục điển*. Năm Hiếu Tông niên hiệu Hoàng Trị thứ 10 (1497) sai Nho thần phân loại biên tập, đến năm Hoàng Trị thứ 15 (1502) thành sách. Hồng Vũ niên hiệu Chính Đức trùng hiệu san

hành, Thần Tông niên hiệu Vạn Lịch (1576) trùng tu, đến tháng 2 năm thứ 15 thành sách, nhan đề *Trùng tu hội điển* cộng 228 quyển.

Đại Minh hội điển được đề cập trong nhiều tư liệu gia lễ Việt Nam như *Hồ Thượng thư gia lễ*, *Thanh Thận gia lễ*, *Tang tế khảo nghi*.

(6) Sơ đồ ngũ phục trong các tư liệu:

TT	<i>Văn Công gia lễ</i> : 4 sơ đồ	<i>Văn Công gia lễ nghi tiết</i> : 6 sơ đồ	<i>Đại Minh hội điển</i> : 7 sơ đồ	<i>Gia lễ tiếp kính</i> : 7 sơ đồ
1.	Bản tông ngũ phục chi đồ	Bản tông ngũ phục chi đồ	Bản tông cửu tộc ngũ phục chính phục chi đồ	Bản tông cửu tộc lập phục chi đồ
2.	Tam phụ bát mẫu phục chế chi đồ	Xuất giá nữ vị bản tông giáng phục chi đồ	Thê vị phu đảng tộc phục	Tam phụ bát mẫu chế phục chi đồ
3.	Thê vị phu đảng đảng phục đồ	Thê vị phu đảng đảng phục đồ	Thiếp vị gia trưởng tộc phục chi đồ	Ngoại tộc mẫu đảng thê đảng phục đồ
4.	Ngoại tộc mẫu đảng phục đồ	Thiếp vị gia trưởng tộc phục chi đồ	Xuất giá nữ vị bản tông giáng phục chi đồ	Thê vị phu tộc phục đồ
5.		Ngoại tộc mẫu đảng thê đảng phục đồ	Ngoại thân phục đồ	Phu vị thê thân phục đồ
6.		Tam phụ bát mẫu phục chế chi đồ	Thê thân phục đồ	Thiếp vị quân phục đồ
7.			Tam phụ bát mẫu chi đồ	Nữ xuất giá vị bản tông phục đồ

(7) Mất chữ

(8) Trang 17a, mục “Tam phụ bát mẫu chế phục”, tác giả ghi rất rõ ràng: “Thân phụ thân mẫu tức sở thân dã bất tại chi đồ”

(9) Trang 1a: “tra tường các luật”; trang 22a: “các luật đồ tịnh đồng nhiên”,

(10) *Ngũ phục đồ thuyết*: lưu tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu AB.388.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu Hán Nôm

1. *Gia lễ tiếp kính* 家禮捷徑, AB.572, Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN).

2. *Ngũ phục đồ thuyết* 五服圖說, AB.388, VNCHN.

3. *Nguyễn thị gia huấn* 阮氏家訓, A.2942, VNCHN.

4. *Tam lễ tập yếu* 三禮集要, A.1925, A.1599, A.1281, VNCHN.

5. *Tang lễ bị kí* 喪禮備記, A.2227, VNCHN.

6. *Thanh Thận gia lễ đại toàn* 清慎家禮大全, A.1064, VNCHN.

7. *Thọ Mai gia lễ* 壽梅家禮, VHv.108, VNCHN.

8. *Hồ Thượng thư gia lễ* 胡尚書家禮, A.279, AB.592, VNCHN.

II. Tài liệu Hán văn Trung Quốc

9. (宋)朱熹《文公家禮》載于楊廣等《性理大全》明萬曆二十五年(1597).

10. (元) 龚端礼《五服图解》，元泰定元年杭州路儒学刻本 (1324).

11. (明) 楊慎(輯)《文公家禮儀節》，乾龍庚寅刻本 (1770).

12. 《大明集禮》明嘉靖九年刻本 (1530)

13. (明) 丘濬(輯)《文公家禮儀節》，正德十三年常州府刻本 (1518)

14. (清) 吳嘉賓《喪服會通說》咸豐元年刻本 (1850)

15. (明) 申時行等修, 趙用賢等纂《大明會典》(《續修四庫全書》

史部, 政書類 792), 據明萬曆內府刻本印, 上海古籍出版社, 1995 年.

16. (清) 崔述《五服異同彙考》道光四年正月東陽縣署中刻 (1824).

III. Tài liệu tiếng Trung

17. 彭怡文《黃以周《禮書通故》女子喪服禮考》博士論文, 東海大學, 2010 年.

18. 丁凌華《中國喪服制度史》, 上海人民出版社, 上海, 2000 年.

PHỤ LỤC

Bảng hiệu đối phục tự phục chế Gia lễ tiếp kính, Thọ Mai gia lễ và bản A.279

(đoạn gạch chân là chi tiết ngoài sơ đồ ngũ phục nhưng giống nhau ở 3 tác phẩm)

<i>Tiếp Kính gia lễ</i>	<i>Thọ Mai gia lễ</i>	Văn bản A.279
Năm ra đời: trước 1680	Sau 1739	?
Văn tự: Nôm	Nôm	Hán
<p>[7b] Vị cao tổ phục Phục cao tổ phụ mẫu [...]</p> <p>Vị tăng tổ phục Phục tăng tổ phụ mẫu [...]</p> <p>[8a] Phục tăng tổ bá thúc phụ mẫu [...] Phục tăng tổ cô [...]</p> <p>Vị tổ hàng phục. Phục tổ phụ mẫu [...] Phục tổ bá thúc phụ mẫu [...] Phục tổ cô [...] Phục tộc tổ bá thúc phụ mẫu [...] Phục tộc tổ cô [...]</p>	<p>Vị cao tổ, tăng tổ, tổ hàng phục: [42a] Phục cao tổ phụ mẫu [...]</p> <p>Phục tăng tổ phụ mẫu [...]</p> <p>[42b] phục tăng tổ bá thúc phụ mẫu [...] Phục tăng tổ cô [...] Phục tổ phụ mẫu [...] Phục tổ bá thúc phụ [...] [43a] Phục tộc bá thúc phụ mẫu [...]</p>	<p>[28b] Vị cao tổ phục: Phục cao tổ phụ mẫu [...]</p> <p>Vị tăng tổ phục: Vị tăng tổ phụ mẫu [...] Vị tăng tổ bá thúc phụ mẫu [...]</p> <p>[29a] Vị tăng tổ cô [...]</p> <p>Vị tổ hàng phục: Vị tổ phụ mẫu [...] Vị tổ bá thúc phụ mẫu [...] Vị tông bá thúc tổ phụ mẫu [...] Vị tổ cô [...]</p>
<p>Vị phụ hàng phục. Phục phụ mẫu [...] Phục đồng cư kế phụ [...] Phục đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu, dưỡng mẫu, [...] Phục xuất mẫu, giá mẫu, thứ mẫu [...]</p>	<p>Vị phụ mẫu hàng phục: Phục phụ mẫu sinh ra [...] Phục đồng cư kế phụ [...] Phục tông kế mẫu giá phụ [...] Phục đích mẫu kế mẫu dưỡng mẫu [...] Phục từ mẫu [...]</p>	<p>Vị phụ hàng phục: Vị phụ trâm [...] vị mẫu [...]. Đồng cư kế phụ [...]</p> <p>[31a] Vị đích mẫu, kế mẫu, từ mẫu, dưỡng mẫu [...] Vị xuất mẫu, thứ mẫu, giá</p>

<i>Tiếp Kính gia lễ</i>	<i>Thọ Mai gia lễ</i>	Văn bản A.279
Phục nhũ mẫu [...] Thứ tử phục sinh mẫu, [...] Phục bá thúc phụ mẫu [...] [10b] Phục thân cô [...] Phục đường bá thúc phụ mẫu [...] Phục đường cô [...] [11a] Phục tộc bá thúc phụ mẫu [...] [...] Phục tộc cô [...]	[44a] Phục giá mẫu xuất mẫu [...] [...] Phục vợ lễ cha [...] Phục nhũ mẫu [...] Thứ tử phục sinh mẫu [...] Phục bá thúc phụ mẫu [...] Phục đường bá thúc phụ mẫu [...] Phục đường cô [...] Phục tộc bá thúc phụ mẫu dũ cô [...]	mẫu [...] Phụ tốt kẻ mẫu giá nhi kỉ tông chi giá [...] Vị nhũ mẫu [...] [31b] Vị bá thúc phụ mẫu [...] [...] Vị tông bá thúc phụ mẫu [...] Vị tái tông bá thúc phụ mẫu [...] [...] Vị cô tại thất giá [...] Vị tông cô tại thất giá [...] Vị tái tông cô tại thất giá [...]
Vị đồng hàng phục (đồng hàng là cùng bề vai) Phục thê [...] Phục thiếp [...] Phục huynh đệ [...] Phục huynh đệ thê, [...] Phục tỉ muội [...] Phục đường huynh đệ [...] Phục đường tỷ muội [...] Phục tái tông huynh đệ [...] Phục tái tông tỉ muội [...] Phục tộc huynh đệ [...] Phục tộc tỉ muội [...] Phục huynh đệ tỉ muội [...]	Vị đồng hàng phục: đồng hàng là cùng bề vai Phục thê [...] Phục thiếp [...] Phục huynh đệ tỉ muội [...] Phục đường huynh đệ tỉ muội [...] [...] Phục tái tông huynh đệ tỉ muội [...] [45b] phục huynh đệ tỉ muội [...]	Vị đồng hàng phục: Vị thê [...] Đại phu vị thiếp Vị huynh đệ [...] Vị tông huynh đệ [...] Vị tái tông huynh đệ [...] Vị tam tông huynh đệ [...] Vị tỉ muội tại thất giá [...] Vị tông tỉ muội tại thất giá [...] [...] Vị tái tông tỉ muội [...] Vị tam tông tỉ muội [...] Vị đồng mẫu đệ phụ chi huynh đệ tỉ muội [...]
Vị tử hàng phục: Phục đích trường tử cập kì phụ [...] Phục chúng tử cập kì phụ [...] Phục nữ tử [...] Phục tể [...] Phục điệt nam [...] Phục điệt nữ [...] Phục đường điệt nam [...] Phục đường điệt nữ [...] Phục tái tông điệt nam [...] Phục tái tông điệt nữ [...]	Vị tử hàng phục: Phục trường tử dũ chư thứ [...] [...] phục nàng dâu [...] Phục nữ tử [...] [46a] phục tể [...] Phục đường điệt nam nữ [...] Phục tái tông điệt nam nữ [...]	Vị tử hàng phục: Vị đích mẫu trường tử cập kì phụ [...] Vị kì phụ [...] Vị chúng tử [...] Vị tử chi vi nhân hậu giá [...] Vị nữ chi tại thất giá [...] Vị điệt bất [...] Vị điệt chi vi nhân hậu giá đại công [...] Vị tông điệt [...] Vị [33a] tái tông điệt [...] Vị điệt nữ [...] Vị tông điệt nữ tại thất giá [...] Vị tái tông điệt nữ tại thất giá [...]

NGHIÊN CỨU TƯ LIỆU GIA LỄ VIỆT NAM: TỪ SƠ ĐỒ NGŨ PHỤC ...

<i>Tiếp Kính gia lễ</i>	<i>Thọ Mai gia lễ</i>	Văn bản A.279
Vị tôn hàng phục [...]	Vị tôn hàng phục: [...]	Vị tôn hàng phục: [...]
Vị tăng tôn phục: [...]	Vị tăng tôn hàng phục: [...]	Vị tăng tôn hàng phục: [...]
Vị huyền tôn hàng phục: [...]	Vị huyền tôn hàng phục: [...]	Vị huyền tôn phục: [...]
Vị tông nhân phục: [...]	Vị tông nhân phục: <u>thứ bắt tại ngũ phục chi nội giá</u> [...]	Vị tông nhân phục: <u>Thứ bắt tại ngũ phục chi nội giá</u> [...]
[17a] Bát mẫu báo phục: [...] Tam phụ bát mẫu chế phục: [...]	Bát mẫu báo phục: [...]	Bát mẫu phục: [...] Bát mẫu báo phục: [...] Tam phụ bát mẫu phục chế: [...]
Ngoại tộc mẫu đẳng phục (<u>tục rằng để tóc về họ nhà mẹ</u>): [...]	Vị ngoại tộc mẫu đẳng phục: <u>tục là phục họ nhà mẹ.</u> [...]	Vị ngoại thân phục: [...]
Thê vị phu đẳng phục (<u>tục viết là vợ để phục bên họ nhà chồng</u>): [...] <u>Hễ đang phục tang họ bên nhà chồng mà lại phải bị chồng rầy, sự ơn nghĩa ấy đã dứt thì chẳng có phục.</u>	Thê vị phu đẳng phục: là vợ để phục họ nhà chồng [...] <u>Dĩ thương đẳng phục hễ đang phục họ bên chồng mà phải chồng rầy sự ân nghĩa ấy đã dứt thì chẳng còn có phục nữa</u>	Thê vị phu đẳng phục: [...] <u>Án tang phục tiểu kí vân phu vi phu đẳng phục đương tang nhi bị xuất tặc trừ chi, ân ái chi có đã</u>
[24b] Phu vi thê phục [...]	Phu vị thê đẳng phục [...]	
Thiếp vị quân tộc phục (<u>thiếp bắt cầm xung phu, cố vi chi quân, quân tức gia trưởng</u>): [...] <u>Còn các đẳng bần thân thì cũng bằng như người ngoài đường.</u>	Thiếp vị quân tộc phục: <u>thiếp bắt cầm xung phu cố vi chi quân</u> [...]	Thiếp vị quân tộc phục: <u>thiếp bắt cầm xung phu, cố vi quân:</u> [...] <u>Vị kì tư thân tặc như lộ hĩ</u>
[25a] Nữ xuất giá vị bản tông phục (<u>tục rằng con gái đã đi lấy chồng mà lại để phục về họ nhà mình</u>): [...] <u>Án trong lễ rằng, con gái còn ở nhà thì cũng bằng như con trai, dầu lấy chồng mà chồng lại chết cùng là rầy lại về ở nhà thì cũng</u>	Nữ xuất giá vị bản tông phục: là gái đi lấy chồng mà để phục họ nhà mình [...] <u>Án trong lễ rằng: con gái đã xuất giá thì các phục có giáng song đi lấy chồng hoặc phải chồng rầy bỏ hoặc chồng</u>	Giá nữ vi bản tông phục [...] <u>Án lễ tại thất dữ nam nữ đồng, nhược giá nhi bị xuất, tại thất dữ vị giá đồng, giá nhi vô phu dữ tử vi huynh đề tí muội cập điệt giai bất giáng</u>

<i>Tiếp Kính gia lễ</i>	<i>Thọ Mai gia lễ</i>	Văn bản A.279
<u>bằng như chưa lấy chồng, hoặc lấy chồng chồng chẳng còn, con lai chẳng có thì cũng phục anh em chi em với cháu thì đều chẳng có giáng [27a] xuống.</u>	<u>mất con lai chẳng có lai trở về nhà cũng như vi giá phục chẳng có giáng.</u>	
Vị thương phục [...]	[52b] Phàm vị thương phục [...]	Vị thương phục: [...]
Phàm nam vi nhân hậu, nữ thích nhân giả [...]	Vi nhân hậu giả vi sở hậu phục [...]	[37a] Vi nhân hậu phục: [...]
Chư nhân hậu giả vị bản sinh phục (tục rằng đã đi làm con nuôi nhà người lại phục về họ bản sinh là họ nhà mình): [...]	Vi nhân hậu vị bản sinh phục: là đã làm con nuôi nhà người lại phục bản sinh họ nhà mình. [...]	Vi nhân hậu giả vị bản sinh phục: [...]
Vị bằng hữu phục [...]	Vị bằng hữu phục: [...]	Vị bằng hữu phục: [...]
Sư bất chế phục: Ông Trình Tử rằng: “Thầy chẳng lập phục là chẳng khả lập vậy. Hợp lấy sự đạo lí mặc thừa trong lòng hậu bạc sâu nông mà thờ. Đây kia ông Nhan Mẫn xưa kia để tóc ông Không Tử trăm thôi ba năm cảm chung khen ? nên công on nhiều bằng ??	Sư bất chế phục: Trình Tử viết Sư bất lập phục bất khả lập dã. Đương dĩ tình chi hậu bạc sự chi đại tiểu xử chi. Như Nhan Mẫn ư Không Tử tuy trăm thôi tam niên khả dã, kì thành dĩ chi thế dữ quân phụ tịnh, kì thứ các hữu thiên thâm duy xung kì tình nhi dĩ hạ chí khúc nghệ mặc bất hữu sư khái khả nhất khái chế phục.	Sư bất chế phục: Trình Tử viết Sư bất lập phục bất khả lập dã. Đương dĩ tình chi hậu bạc sự chi đại tiểu xử chi. Như Nhan Mẫn vu Không Tử tuy trăm thôi tam niên khả dã, dĩ thành kì chi công dữ quân phụ tịnh, kì thứ các hữu thiên thâm xung kì tình nhi dĩ, hạ chí khúc nghệ mặc bất hữu sư khái khả nhất khái chế phục.